

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2021

“V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân;
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2020 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Cam L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: X A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Địa chỉ liên lạc: 2A kiết X H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: X A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/11/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Cam L trình bày:

Chị với anh Trương Văn Đ có quá trình quen biết nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/9/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh Đ tại địa chỉ 50 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên cho đến ngày 16/11/2020 thì chị về nhà của bố mẹ ruột tại 2A kiết X H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để ở

cho đến nay. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng hoàn toàn không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn với gia đình chồng là mẹ chồng, chị và em ruột của chồng. Cụ thể vợ chồng hay gây gỗ, cãi vã nhau, thỉnh thoảng anh Đ có đánh chị; chồng không tôn trọng, nói chuyện hờn hằn với bố mẹ chị, nhiều lần xỉ nhục chị và gia đình chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, nên ngày 16/11/2020 anh Đ đã đuổi chị ra khỏi nhà. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất quyết xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Ly trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trương Văn Ph, sinh ngày 10/8/2018. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không có.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có.

* Phía bị đơn anh Trương Văn Đ trình bày: Quá trình tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên, quá trình chung sống không giống như chị L trình bày, anh luôn chăm lo cho gia đình, xin việc cho chị L. Từ ngày chị L mang thai và sinh con, anh luôn quan tâm, chăm sóc cho cả hai mẹ con. Khoảng 01 năm trở lại đây, vợ chồng mới thường xuyên cãi vã, không gần gũi nhau. Vào ngày 16/11/2020, chị L thông báo với anh và đầy đủ gia đình hai bên là đã nộp đơn ly hôn đơn phương tại Tòa án. Sau khi cãi vã, chị L đã đem con về nhà ngoại. Trong thời gian chị L dọn ra khỏi nhà, anh vẫn chu cấp, nuôi dưỡng, chăm sóc con, việc đưa đón con đi học vẫn do cả hai bên cùng thực hiện. Nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý với điều kiện anh được nuôi con chung.

Về con chung: Anh Đ trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trương Văn Ph, sinh ngày 10/8/2018. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Ph, không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có.

Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Cam L, cho chị Đặng Thị Cam L được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Văn Ph, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Đặng Thị Cam L nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Anh Trương Văn Đ

chấp nhận cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng, nên chấp nhận yêu cầu của chị L buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Ph với số tiền 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Ph đủ tuổi thành niên.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu theo luật định.
- Về án phí cấp dưỡng: Anh Đ phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Cam L và anh Trương Văn Đ có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20/9/2017, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh Đ tại 50 A, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến ngày 16/11/2020 thì chị L về nhà bố mẹ ruột tại 2A kiệt X X, phường A, thành phố H để ở cho đến nay. Theo chị L trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay gây gổ, cãi vã nhau, anh Đ không tôn trọng chị và gia đình chị, do mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 16/11/2020 chị đã về nhà bố mẹ ruột để ở cho đến nay. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị L vẫn một mực cương quyết xin ly hôn anh Đ. Điều đó đã chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Cam L, cho chị L được ly hôn anh Đ là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị Đặng Thị Cam L và anh Trương Văn Đ đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Trương Văn Ph, sinh ngày 10/8/2018. Cả chị L và anh Đ đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cả chị L và anh Đ đều có điều kiện để nuôi con chung, cả hai bên đều mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Tuy nhiên, hiện tại cháu Ph đang còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần được sự nuôi dưỡng, chăm sóc trực tiếp của người mẹ, chị L cũng đang có việc làm ổn định, nên cần giao cháu Ph cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp hơn so với anh Đ.

Về cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa anh Đ chấp nhận cấp dưỡng cho cháu Ph 3.000.000đồng/tháng như yêu cầu của chị L, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Ph mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi cháu Ph đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh Đ trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị L và anh Đ trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu theo luật định.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Đ phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Cam L, tuyên xử cho chị Đặng Thị Cam L được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Trương Văn Ph, sinh ngày 10/8/2018 cho chị Đặng Thị Cam L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Trương Văn Ph đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Trương Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Trương Văn Ph mỗi tháng 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Văn Ph đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đặng Thị Cam L, nếu anh Trương Văn Đ chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Cam L và anh Trương Văn Đ trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Đặng Thị Cam L và anh Trương Văn Đ trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Cam L phải chịu 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000750 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên chị L không phải nộp tiếp.

6.2. Án phí cấp dưỡng: Anh Trương Văn Đ phải chịu 300.000đồng.

7. Án xử sơ thẩm xét xử công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường A, TP H (ĐKKH số 102 ngày 20/9/2017);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu HCTP.

(Đã ký)

Trần Dũng